

Số: 06 /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày 17 tháng 01 năm 2020

BÁO CÁO
Công khai tình hình thực hiện ngân sách
địa phương năm 2019

Thực hiện Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách, UBND tỉnh báo cáo Công khai tình hình thực hiện ngân sách địa phương năm 2019, như sau:

1. Về thu ngân sách nhà nước (chi tiết tại Biểu số 59/CK-NSNN, Biểu số 60/CK-NSNN):

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn ước đạt 20.658 tỷ đồng, bằng 103,3% dự toán HĐND tỉnh giao; bằng 103,1% so với thực hiện năm 2018. Trong đó:

a) Thu nội địa:

Thu nội địa cả năm ước đạt 17.541 tỷ đồng, bằng 102,3% dự toán HĐND tỉnh giao; bằng 104,8% so với thực hiện năm 2018. Trong đó:

- Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước ước đạt 11.576 tỷ đồng, đạt 91,1% dự toán giao, bằng 97,1% so với năm 2018; bao gồm:

+ Thu từ DNNN Trung ương ước đạt 11.519 tỷ đồng, đạt 91,2% dự toán giao, bằng 97,2% so với năm 2018. Nguồn thu từ khu vực này giảm so với dự toán HĐND tỉnh giao là 1.116 tỷ đồng chủ yếu do hụt thu từ Nhà máy lọc dầu Dung Quất.

Dự kiến cả năm, nhà máy lọc dầu Dung Quất tiêu thụ 6,85 triệu tấn. Giá dầu bình quân cả năm từ 65 - 67 USD/thùng (*giảm 3 USD/thùng so với giá dự toán*). Tỷ trọng sản lượng dầu thô nhập từ mỏ Bạch Hổ ước chiếm 30,4%/tổng sản lượng dầu thô đầu vào (*thấp hơn 17,6% so dự toán giao, dự toán giao tỷ trọng là 48%*). Thuế ước nộp NSNN năm 2019 là 10.150 tỷ đồng, đạt 87,7% dự toán giao.

+ Thu từ DNNN địa phương: Ước cả năm thu 56 tỷ đồng, đạt 80,3% dự toán, bằng 89,6% so với năm 2018. Nguồn thu từ khu vực này đạt thấp là do nhiều DN lớn nộp NS thấp hơn cùng kỳ năm trước: Công ty CP Bến xe Quảng Ngãi (*giảm 2,8 tỷ đồng*); Công ty Cổ phần Môi trường đô thị (*giảm 4,1 tỷ đồng*); Công ty QISC (*giảm 01 tỷ đồng*); Công ty CP Bảo dưỡng và SC công trình dầu khí (*giảm 7,3 tỷ đồng*);

- Thu từ khu vực công thương nghiệp - dịch vụ ngoài quốc doanh ước đạt 1.672 tỷ đồng, bằng 106,5% dự toán, tăng 3,2% so năm 2018.

- Thuế thu nhập cá nhân ước đạt 428 tỷ đồng, bằng 115,8% dự toán, tăng 42,4% so với cùng kỳ. Chủ yếu thu từ các cá nhân có thu nhập cao làm việc tại các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

- Thu tiền sử dụng đất ước đạt 1.822 tỷ đồng, bằng 269,9% dự toán, tăng 88,8% so với năm 2018. Trong đó:

+ Các dự án của Tỉnh: Ước thu 93 tỷ đồng, đạt 51,6% dự toán; do các dự án của Công ty QISC như: KDC Mỹ Trà - Mỹ Khê; Khu dân cư trực Bàu Giang - Cầu Mới (đoạn từ đường sắt đến Hoàng Văn Thụ),... chưa thu được tiền sử dụng đất.

+ Dự án của các huyện, TP: Ước thu 744,3 tỷ đồng; đạt 151,6% dự toán. Tất cả các địa phương đều hoàn thành dự toán giao; trong đó một số địa phương có số thu lớn như: TP Quảng Ngãi (319 tỷ đồng), Bình Sơn (60 tỷ đồng), Sơn Tịnh (103 tỷ đồng), Tư Nghĩa (141 tỷ đồng), Mộ Đức (30 tỷ đồng), Đức Phổ (64 tỷ đồng).

+ Dự án kinh doanh bất động sản: Ước thu 984,6 tỷ đồng (TP Quảng Ngãi: 850,5 tỷ đồng; Tư Nghĩa 47,4 tỷ đồng; Nghĩa Hành 28,2 tỷ đồng; Mộ Đức 49,9 tỷ đồng; Bình Sơn 8,5 tỷ đồng).

- Thuế bảo vệ môi trường ước đạt 800 tỷ đồng, bằng 100% dự toán, tăng 39,5% so năm 2018.

- Thu khác ngân sách ước đạt 194 tỷ đồng, bằng 97,1% dự toán, bằng 47,6% so với năm 2018. Đạt thấp so cùng kỳ do trong năm 2018 phát sinh 181 tỷ đồng, do Công ty Hòa Phát hoàn trả NS tỉnh ứng trước thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án thép.

b) Thu hoạt động xuất nhập khẩu cả năm ước đạt 3.100 tỷ đồng, bằng 119,2% dự toán và bằng 94,2% so với năm 2018. Nguồn thu từ hoạt động xuất nhập khẩu chủ yếu thu từ Công ty CP Thép Hòa Phát Dung Quất với số thu dự kiến khoảng 1.421 tỷ đồng từ việc nhập khẩu hàng hóa tạo tài sản cố định và nhập khẩu nguyên liệu để sản xuất; thu từ dầu thô nhập khẩu của Công ty CP Lọc hóa dầu Bình Sơn khoảng 996 tỷ đồng.

c) Thu vay vốn để bù đắp bội chi: năm 2019 ước đạt 17 tỷ đồng, bằng 232,4% so với cùng kỳ năm trước và đạt 6,7% dự toán năm.

2. Về chi ngân sách địa phương (chi tiết tại Biểu số 59/CK-NSNN, Biểu số 61/CK-NSNN)

a) Chi cân đối ngân sách địa phương năm 2019 ước đạt 12.977 tỷ đồng, bằng 86,6% dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 99,6% so với cùng kỳ năm 2018, trong đó:

a1) Chi đầu tư phát triển: ước đạt 3.776 tỷ đồng, bằng 88,5% so với dự toán năm, bằng 86,4% so với năm 2018.

a2) Chi thường xuyên: ước đạt 8.908 tỷ đồng, bằng 100,6% so với dự toán năm, bằng 102,9% so với năm 2018; trong đó:

- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề ước đạt 3.346 tỷ đồng, bằng 98% dự toán năm;

- Chi sự nghiệp Khoa học và công nghệ ước đạt 30 tỷ đồng, bằng 98,2% dự toán năm;

- Chi sự nghiệp kinh tế ước đạt 1.477 tỷ đồng, bằng 98,9% dự toán năm;

- Chi quản lý hành chính, đảng, đoàn thể ước đạt 1.657 tỷ đồng, bằng 99,5% dự toán năm;

- Các khoản chi đạt và vượt dự toán giao như: chi sự nghiệp y tế ước đạt 948 tỷ đồng, bằng 101% dự toán; chi văn hóa thông tin ước đạt 167 tỷ đồng, bằng 107,1% dự toán năm; chi sự nghiệp môi trường ước đạt 219 tỷ đồng, bằng 119,3% dự toán năm; chi đảm bảo xã hội ước đạt 599 tỷ đồng, bằng 100,7% dự toán năm.

a3) Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 1,14 tỷ đồng, đạt 100% dự toán giao.

a4) Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay: 0,4 tỷ đồng, đạt 21,1% dự toán giao.

a5) Chi dự phòng ngân sách ước đạt 292 tỷ đồng, bằng 100% so dự toán năm. Chi từ nguồn kinh phí này chủ yếu chi phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai và thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh phát sinh trong quá trình thực hiện dự toán.

b) Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP ước đạt 1.724 tỷ đồng, bằng 97,5% dự toán năm. Trong đó:

- Chương trình mục tiêu quốc gia: 782 tỷ đồng, đạt 95% kế hoạch vốn giao.

- Vốn đầu tư thực hiện chương trình, dự án: 813 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch vốn giao.

- Vốn sự nghiệp thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ: 128 tỷ đồng, đạt 98% kế hoạch vốn giao.

Chi ngân sách địa phương năm 2019 được tổ chức quản lý theo đúng quy định, cơ chế phân cấp hiện hành. Các ngành, các cấp đã triển khai tích cực, điều hành ngân sách bám sát dự toán được giao; tập trung thực hiện các chính sách cho con người, chính sách an sinh xã hội; đảm bảo cân đối nguồn để thực hiện các nhiệm vụ chi theo dự toán; đồng thời bổ sung chi một số nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao.

Tóm lại, trong năm 2019, việc tổ chức thực hiện dự toán thu, chi ngân sách trên địa bàn tỉnh đảm bảo thực hiện theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày

01/01/2019 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2019; hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 119/2018/TT-BTC ngày 05/12/2018 quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2019; Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh về dự toán và phân bổ ngân sách địa phương năm 2019; Nghị quyết số 27/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của HĐND tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019; Quyết định số 1216/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh Quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách địa phương năm 2019./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính (b/cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/cáo);
- TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- BTT.UBMTTQVN tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Các Hội, đoàn thể tỉnh;
- VPUB:C,PCVP,các P.Ng/cứu, CBTH;
- Lưu: VT, KT việt24

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Ngọc Căng

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2019

ĐVT: triệu đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2019	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2019	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	20.000.000	20.658.301	103,3%	103,1%
I	Thu cân đối NSNN	20.000.000	20.658.301	103,3%	103,1%
1	Thu nội địa (không kể thu từ dầu thô)	17.150.000	17.541.510	102,3%	104,8%
2	Thu từ dầu thô		-		
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	2.600.000	3.100.000	119,2%	94,2%
4	Thu viện trợ		-		
5	Thu vay vốn	250.000	16.791	6,7%	232,4%
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang				
B	TỔNG CHI NSDP	16.756.979	14.701.581	87,7%	99,7%
I	Chi cân đối NSDP	14.989.151	12.977.532	86,6%	99,6%
1	Chi đầu tư phát triển	4.265.000	3.776.201	88,5%	86,4%
2	Chi thường xuyên	8.857.803	8.907.873	100,6%	102,9%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	1.900	400	21,1%	597,0%
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.140	1.140	100,0%	100,0%
5	Chi dự phòng ngân sách	291.918	291.918	100,0%	
6	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	1.571.390		0,0%	
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	1.767.828	1.724.049	97,5%	100,2%
C	BỘI CHI NSNN/BỘI THU NSDP	250.000	16.791	2,9%	161,9%
D	CHI TRẢ NỢ GỐC	48.750	48.750	100%	66,1%

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019

DVT: triệu đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2019	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2019	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	20.000.000	20.658.301	103,3%	103,1%
I	Thu nội địa	17.150.000	17.541.510	102,3%	104,8%
1	Thu từ khu vực DNNN	12.705.000	11.575.610	91,1%	97,1%
2	Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	300.000	330.980	110,3%	97,3%
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	1.570.000	1.671.970	106,5%	103,2%
4	Thuế thu nhập cá nhân	370.000	428.350	115,8%	142,4%
5	Thuế bảo vệ môi trường	800.000	800.000	100,0%	139,5%
6	Lệ phí trước bạ	180.000	243.220	135,1%	130,1%
7	Các loại phí, lệ phí	130.000	157.860	121,4%	117,0%
8	Các khoản thu về nhà, đất	720.000	1.948.370	270,6%	183,7%
+	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		10		27,5%
+	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	5.000	5.200	104,0%	88,9%
+	Thu tiền sử dụng đất	675.000	1.822.000	269,9%	188,8%
+	Thu cho thuê mặt đất, mặt nước	40.000	121.090	302,7%	139,4%
+	Tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		70		2,5%
9	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	60.000	55.000	91,7%	61,0%
10	Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế	10.000	5.000	50,0%	38,5%
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	85.000	118.000	138,8%	138,5%
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản,...tại xã	20.000	13.000	65,0%	107,1%
13	Thu khác	200.000	194.150	97,1%	47,6%
II	Thu từ dầu thô				
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	2.600.000	3.100.000	119,2%	94,2%
1	Thuế giá trị gia tăng hàng hoá nhập khẩu	1.840.000	2.620.582	142,4%	104,5%
2	Thuế xuất khẩu	150.000	210.000	140,0%	139,1%
3	Thuế nhập khẩu	610.000	245.000	40,2%	41,0%
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu		18		46,2%
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng nhập khẩu		20.000		1111,1%
6	Thu khác		4.400		13,3%
IV	Thu viện trợ				
V	Thu vay vốn	250.000	16.791	6,7%	232,4%
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	14.739.151	13.454.639	91,3%	92,3%
1	Các khoản thu phân chia NSDP hưởng theo tỷ lệ 88%	13.289.135	10.698.388	80,5%	85,4%
2	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	1.450.016	2.756.251	190,1%	134,2%



ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2019

ĐVT: triệu đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2019	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2019	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (A+B)	16.756.979	14.701.581	87,7%	99,7%
A	Chi cân đối ngân sách địa phương	14.989.151	12.977.532	86,6%	99,6%
I	Chi đầu tư phát triển	4.265.000	3.776.201	88,5%	86,4%
1	Chi đầu tư cho các dự án	4.233.000	3.742.701	88,4%	86,8%
2	Chi đầu tư các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	12.000	12.000	100,0%	
3	Chi đầu tư phát triển khác	20.000	21.500	107,5%	35,8%
II	Chi thường xuyên	8.857.803	8.907.873	100,6%	102,9%
	<i>Trong đó :</i>				
1	Chi sự nghiệp Giáo dục-đào tạo và dạy nghề	3.414.174	3.345.890	98,0%	116,1%
2	Chi sự nghiệp Khoa học và công nghệ	30.713	30.160	98,2%	122,2%
3	Chi sự nghiệp Y tế, dân số và gia đình	938.107	947.805	101,0%	100,2%
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	156.530	167.580	107,1%	152,2%
5	Chi sự nghiệp Phát thanh-truyền hình	39.492	39.492	100,0%	90,7%
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	33.368	33.368	100,0%	79,9%
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	183.525	218.855	119,3%	133,8%
8	Chi sự nghiệp kinh tế	1.493.156	1.476.690	98,9%	114,5%
9	Chi quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	1.664.932	1.656.607	99,5%	81,8%
10	Chi đảm bảo xã hội	594.884	599.184	100,7%	87,9%
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	1.900	400	21,1%	597,0%
IV	Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính	1.140	1.140	100,0%	100,0%
V	Chi dự phòng ngân sách	291.918	291.918	100,0%	
VI	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	1.571.390		0,0%	
B	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	1.767.828	1.724.049	97,5%	100,2%
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	823.090	781.936	95,0%	134,3%
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	813.504	813.504	100,0%	76,8%
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	131.234	128.609	98,0%	163,5%